

# PHƯƠNG TIỆN BIỂU ĐẠT CẢM XÚC TRONG DIỄN NGÔN VĂN HỌC

**LÊ THỊ PHƯƠNG LAN**

Đại học Ngoại ngữ - ĐHQG Hà Nội

## TÓM TẮT

Vi tính đa dạng và không đồng nhất của các phương tiện biểu cảm nên để xác định được các dấu hiệu của cảm xúc trong diễn ngôn, ta cần thiết lập một hệ thống các phương tiện (ngôn ngữ và phi ngôn ngữ) mà qua đó cảm xúc được biểu đạt. Trong bài nghiên cứu này, sau khi trình bày ba cách phân loại của ba tác giả là Plantin (1998 & 2012), Eggs (2008) và Micheli (2013) theo trình tự thời gian, những phương tiện biểu đạt chính (trực tiếp và gián tiếp) sẽ được phân tích, tổng hợp cho phép tìm hiểu và khám phá cảm xúc trong dữ liệu diễn ngôn nói chung và diễn ngôn văn học nói riêng.

**Từ khóa:** biểu đạt gián tiếp, biểu đạt trực tiếp, diễn ngôn, diễn ngôn văn học, phương tiện biểu đạt cảm xúc

## 1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Có thể nói văn học và cảm xúc là hai phạm trù không thể tách rời. Cảm xúc là con đường gần nhất để đưa tác phẩm đến với người đọc. Việc nghiên cứu các phương tiện ngôn ngữ biểu đạt cảm xúc trong tác phẩm văn học giúp người đọc dễ dàng hơn trong việc nhận diện cảm xúc của nhân vật, từ đó khám phá ý nghĩa của tác phẩm và tìm hiểu phong cách của nhà văn. Hơn nữa, khuynh hướng ngôn ngữ trong phân tích văn bản văn học là khuynh hướng hiện đại đang được áp dụng rộng rãi trong nghiên cứu văn học hiện nay, cả ở Pháp (Maingueneau (2010), Adam (1997), Fromilhague & Sancier (1991)...) và ở Việt Nam (Nguyễn Hữu Đạt (2001), Đinh Trọng Lạc (1999)...).

Bàn về tính đa dạng và phức tạp của các phương tiện biểu cảm, Catherine Kerbrat-Orecchioni (2000, tr. 57) nhận định rằng: ngôn ngữ biểu cảm sở hữu hệ thống các phương tiện đồ sộ đến nỗi mà người ta có cảm giác “cảm xúc trong ngôn ngữ vừa tồn tại ở khắp mọi nơi vừa không tồn tại ở đâu cả”. Về vấn đề này, Micheli

(2013, tr.2) đã lý giải: chính sự phong phú của các hiện tượng ngôn ngữ có khả năng biểu cảm cho ta cảm giác “cảm xúc tồn tại ở khắp mọi nơi”. Tuy nhiên, chính sự đa dạng đó đã tạo nên rào cản không nhỏ khi phải đưa ra một trật tự sắp xếp cho các hiện tượng ngôn ngữ biểu cảm này: “Rất khó để nói cảm xúc tồn tại ở một hay những hiện tượng ngôn ngữ cụ thể nào” (Micheli, 2013). Chính tính “không đồng nhất” của các phương tiện biểu cảm là nguyên nhân chính tạo nên rào cản nói trên: chúng có thể tồn tại ở các cấp độ tổ chức ngôn ngữ khác nhau (từ, câu, văn bản); có thể thuộc phương tiện ngôn ngữ, siêu ngôn ngữ hay phi ngôn ngữ.

Trong bài nghiên cứu này, chúng tôi trình bày ba cách phân loại các phương tiện biểu đạt cảm xúc của ba tác giả là Plantin (1998, 2011), Eggs (2008) và Micheli (2013) theo trình tự thời gian của các nghiên cứu nhằm tổng hợp những phương tiện biểu đạt chính (biểu đạt trực tiếp và biểu đạt gián tiếp) cho phép tìm hiểu và khám phá cảm xúc trong dữ liệu diễn ngôn nói chung và diễn ngôn văn học nói riêng.

## 2. MỘT SỐ CÁCH PHÂN LOẠI CÁC PHƯƠNG TIỆN BIỂU ĐẠT TÌNH CẢM VÀ CẢM XÚC TỪ GÓC NHÌN CỦA PHÂN TÍCH ĐIỂN NGÔN

### 2.1. Christian Plantin

Trong nghiên cứu của ông có tiêu đề: “Những lý lẽ của cảm xúc” (“Les raisons des émotions”), Plantin (1998) đã nêu bật hai điểm chính: Một là, cách tạo lập phát ngôn biểu đạt cảm xúc (énoncés d’émotion), hai là, cách đánh giá tình huống khơi gợi cảm xúc (topique des émotions).

#### 2.1.1. Phát ngôn biểu đạt cảm xúc

Đối với các phát ngôn biểu đạt cảm xúc, Plantin quan tâm đến hai vấn đề, đó là xác định chủ thể tâm lý (lieu psychologique) và xác định loại tình cảm hay cảm xúc được biểu đạt.

Chủ thể tâm lý có thể là người hay con vật. Những chủ thể này được xác định dựa vào hệ thống các danh từ chung, danh từ riêng, các đại từ thay thế, các đại từ ở ngôi thứ nhất và ngôi thứ hai.

Để xác định cảm xúc của chủ thể tâm lý và thiết lập phát ngôn dưới dạng: [ai] [cảm thấy thế nào], Plantin đã chia các phương tiện biểu đạt cảm xúc thành hai loại: cảm xúc được chỉ ra một cách trực tiếp và gián tiếp.

#### a) Biểu đạt cảm xúc trực tiếp – gọi tên cảm xúc

Trong loại cảm xúc được chỉ ra trực tiếp, cần thiết phải xác định *từ vựng chỉ cảm xúc*, được hiểu là từ vựng gọi tên loại cảm xúc (dénomination émotionnelle) như buồn, vui, tức giận. Để làm được điều đó, Plantin đã dựa vào các nghiên cứu của các nhà ngôn ngữ học về danh từ chỉ cảm xúc và động từ chỉ cảm xúc.

Anscombe (1995) và Babibar-Mrabti (1995) đã có những nghiên cứu chuyên sâu về danh từ chỉ cảm xúc. Từ từ loại danh từ, ví dụ như, sự hận thù (haine) ta có thể suy ra các từ phái sinh như động từ (haïr) hay tính từ (haineux).

Bên cạnh các nghiên cứu về danh từ chỉ cảm xúc, còn phải kể đến các nghiên cứu về động từ chỉ cảm xúc. Gross (1995) đã chia các động từ chỉ cảm xúc thành hai loại mà trong đó tác nhân hay nguyên nhân của cảm xúc được đặt ở vị trí chủ ngữ hay bổ ngữ trong câu.

#### b) Biểu đạt cảm xúc gián tiếp

Ông nhấn mạnh rằng, khó khăn sẽ tăng lên gấp bội khi phải xác định cảm xúc một cách gián tiếp. Trong trường hợp này, cảm xúc sẽ không được gọi tên bằng từ vựng chỉ cảm xúc mà được suy luận dựa vào các loại dấu hiệu khác nhau. Plantin đã thống kê một số các dấu hiệu sau:

– Biểu đạt cảm xúc gián tiếp thông qua các dấu hiệu ngôn ngữ:

+ Từ vựng chỉ màu sắc: Khi ta thấy “Pierre đỏ mặt”, ta có thể kết luận rằng [Pierre/xấu hổ] hoặc [Pierre/tức giận]. Lúc này yếu tố ngữ cảnh sẽ giúp ta xác định được cảm xúc của Pierre là loại cảm xúc nào trong hai loại cảm xúc đều có thể gắn với màu đỏ của sắc mặt nêu trên.

+ Động từ khơi gợi cảm xúc: Dựa vào nghiên cứu của Balibar-Mrabti (1995), Plantin đã chỉ ra rằng, cảm xúc có thể được xác định dựa vào những động từ gợi cho người đọc liên tưởng về mặt logic ngữ nghĩa của từ vựng với một số loại cảm xúc nhất định. Ví dụ, động từ “consumer” (thieu hủy) cho phép người đọc liên kết về mặt ngữ nghĩa của từ với những loại cảm xúc “mang tính tiêu cực” như nỗi buồn, sự tức giận, sự hận thù, sự ghen tuông... Một số các nghiên cứu về ẩn dụ trong biểu đạt cảm xúc (métaphores émotionnelles) cũng xuất phát từ việc nghiên cứu loại động từ nêu trên.

– Biểu đạt cảm xúc gián tiếp thông qua các dấu hiệu về bối cảnh (situations) và thái độ (attitudes):

Việc xác định cảm xúc dựa trên dấu hiệu bối cảnh hay thái độ liên quan nhiều đến yếu tố văn hóa. Khi một nhân vật tự hỏi: “Tôi còn mặt mũi nào để nhìn con tôi nữa đây? Tôi không dám nhìn mình trong gương nữa” (Plantin, 1998, tr. 12). Theo Plantin, trong tình huống trên ta có thể nghĩ rằng, người này đang cảm thấy rất xấu hổ vì những gì họ đã làm. Cũng tương tự như vậy, những phát ngôn biểu đạt thái độ như “Anh ta cúi đầu xuống” biểu thị “nỗi buồn” hoặc “sự xấu hổ” hay “trán anh ta nhăn lại” biểu thị “sự lo lắng” hoặc “bối rối”. Trong trường hợp không thể gọi tên chính xác loại cảm xúc, người ta hay quy chúng vào những cảm xúc cơ bản (émotions de base) như buồn, vui, tức giận...

#### 2.1.2. Tình huống khơi gợi cảm xúc

Ngoài phương tiện biểu đạt cảm xúc trực tiếp và gián tiếp như đã trình bày ở trên, trong các nghiên cứu của



mình, Plantin cũng đề cập đến một phương tiện biểu đạt cảm xúc khác là tình huống khơi gợi cảm xúc, thực chất là các phát ngôn không “biểu đạt” mà “khơi gợi” cảm xúc ở người đọc, người nghe. Dựa vào các nghiên cứu trong lĩnh vực phân tích diễn ngôn (Ungerer), ngữ dụng học (Caffi&Janney), tâm lý học và ngôn ngữ học tri nhận về chủ đề cảm xúc (Sherer), Plantin (1998) đã xây dựng một khung các tiêu chí nhằm đánh giá tình huống khơi gợi cảm xúc bao gồm một tập hợp các câu hỏi về *sự kiện* (Cái gì?), *người liên quan* (ai?), *hình ảnh tương đương* (giống như?), *thời gian* (khi nào?), *địa điểm* (ở đâu?), *số lượng* (bao nhiêu?), *nguyên nhân* (tại sao?), *hậu quả* (thế nào?), *phù hợp hay không* với các giá trị đạo đức, chuẩn mực xã hội, *khả năng kiểm soát* (có hay không?). Việc xác định các yếu tố trên cho phép xác định loại cảm xúc mà văn bản muốn hướng tới, muốn khơi gợi ở người đọc, người nghe. Amossy (2010) đã dựa vào khung tiêu chí đánh giá tình huống mà Plantin đưa ra để phân tích việc khơi gợi sự cảm thương qua trích đoạn trong tác phẩm *Ngôi sao lang thang* (*Étoile errante*) của nhà văn Le Clézio. Bà đã chỉ ra rằng, sự cảm thương được khơi gợi thông qua tình huống chứa đựng các yếu tố như “người liên quan” là ai? (những đứa trẻ vô tội), chúng bị làm sao? (đói khát), chúng ở đâu? (trong trại tập trung của người tị nạn), chúng được ví như cái gì? (giống như những con chó).

Sau rất nhiều nghiên cứu về cảm xúc trong diễn ngôn, áp dụng trên các dữ liệu phân tích khác nhau (diễn ngôn chính trị, diễn ngôn báo chí, diễn ngôn văn học...), Plantin (2011) đã đi đến một cách phân chia các phương tiện biểu cảm mang tính chất tổng hợp và khái quát hơn. Ông vẫn chia các dấu hiệu nhận biết cảm xúc làm hai loại: trực tiếp và gián tiếp. Tuy nhiên, trong biểu đạt gián tiếp, ông xếp các dấu hiệu vào hai loại chính: loại dấu hiệu liên quan đến tình huống (situation) và loại dấu hiệu liên quan đến đối tượng tâm lý (lieu psychologique). Ông chỉ ra rằng, tình huống là hiện thực khách quan chứa đựng những yếu tố mang tính quy ước, mặc định cho phép ta nhận diện loại cảm xúc đang được thể hiện: ví dụ, ta có thể nhận biết được “sự xấu hổ” của bà mẹ khi bà nói không dám nhìn mình trong gương và không dám nhìn mặt con mình. Liên quan đến đối tượng tâm lý, cảm xúc được thể hiện thông qua một loạt các biểu hiện về mặt tâm sinh lý mà người khác có thể nhận biết được, ví dụ như: cử chỉ, nét mặt, tư thế, hành động.

## 2.2. Ekkehard Eggs

Trong bài nghiên cứu: “Cảm xúc trong diễn ngôn - cảm thán, phê phán, châm biếm”, Eggs (2008) đã trình bày hai hướng chính để nhận biết cảm xúc: một là xuất phát từ tình huống (scénarios), hai là xuất phát từ những dấu hiệu biểu đạt cảm xúc (sémiotique des émotions) bao gồm: dấu hiệu về mặt cơ thể (cử chỉ, nét mặt, hành động), dấu hiệu về mặt ngôn ngữ (thán từ, câu cảm thán), giọng điệu. Khi cả hai điều kiện về tình huống và dấu hiệu đều được thỏa mãn thì ta có thể kết luận về tình trạng cảm xúc của một người nào đó. Tuy nhiên, các cách nhận biết cảm xúc nêu trên không cho phép đánh giá độ phù hợp của cảm xúc trong từng tình huống giao tiếp cụ thể mà cần có dấu hiệu thứ ba mà theo ông là việc đối chiếu về phương diện đạo đức của nhân vật và xã hội (registre éthique).

### 2.2.1. Tình huống

Eggs đã lý giải cách thứ nhất bằng việc trích dẫn định nghĩa về sự sợ hãi của Aristote (1967). Ông đã miêu tả tình huống của sự sợ hãi là “nếu ai đẩy tưởng tượng ra những điều tồi tệ đang đến gần với họ, họ sẽ cảm thấy sợ hãi”. Vì vậy, khi ta thấy một ai đó xuất hiện trong tình huống như vậy, ta có thể kết luận rằng người này đang cảm thấy sợ hãi. Trong tác phẩm *Dịch hạch* (*La Peste*) của nhà văn Albert Camus (1947, tr. 32), người kể đã lý giải nỗi sợ hãi của người dân thành phố Oran thông qua việc khắc họa tình huống như sau: “Sau cái chết của người gác cổng tòa nhà nơi mà bác sĩ Rieux làm việc, sự bàng hoàng ban đầu đã được thay thế bằng sự sợ hãi khi người ta thấy chuột chết la liệt trên mặt đường và rất nhiều người gác cổng bị chết vì những căn bệnh lạ. Tiếp đó là rất nhiều người khác cũng cùng chung số phận, mà trong số đó không chỉ có những người gác cổng và những người nghèo”.

### 2.2.2. Dấu hiệu biểu đạt

Ngược lại với cách thứ nhất, cách thứ hai để nhận biết một cảm xúc là dựa vào những dấu hiệu biểu đạt của cảm xúc đó. Eggs (2008) đã sử dụng trích đoạn trong cuốn tiểu thuyết *Bà Bovary* (*Madame Bovary*) của nhà văn Gustave Flaubert để minh họa cho các dấu hiệu biểu đạt cảm xúc mà ông trình bày. Theo ông, các loại dấu hiệu cho phép “đoán” cảm xúc của nhân vật bao gồm:

– Dấu hiệu về mặt cơ thể (cử chỉ, nét mặt, hành động): Eggs gọi đó là những dấu hiệu quan sát được (indices

observables). Ông chia chúng làm hai loại: dấu hiệu thiên về miêu tả (indices plutôt descriptifs) ví dụ như “đứng bật dậy” (se lever d’un bond), kêu lên (s’écrier), khóc (pleurer) và dấu hiệu thiên về bình luận (indices plutôt interpretés). Hai loại trên hoàn toàn có thể kết hợp trong cùng một phát ngôn, chẳng hạn như “khóc như một đứa trẻ” (pleurer comme un enfant).

– Dấu hiệu ngôn ngữ (thán từ hay câu cảm thán) mà theo ông chúng tồn tại song song trong cả hai loại văn bản nói và viết. Khi phân tích đoạn trích thể hiện sự bức tức của Emma đối với mẹ chồng là bà Bovary, ông đã chỉ ra rằng, thán từ “Ah!” đứng một mình sẽ không có nghĩa mà ý nghĩa của nó chỉ được biểu đạt khi được kết hợp với một loại dấu hiệu khác mà ông gọi là “dấu hiệu cú pháp” (indices syntaxiques): Thán từ “Ah” kết hợp với phát ngôn cảm thán “Đúng là một bà già quê mùa!” (Quelle paysanne!) để thể hiện sự bức tức, khó chịu của Emma với mẹ chồng. Ông cũng nhấn mạnh rằng, ý nghĩa của phát ngôn cảm thán đó chỉ hoàn chỉnh khi nó được thể hiện kết hợp với ngữ điệu của câu.

Ngoài hai cách nhận biết cảm xúc nêu trên (tình huống và dấu hiệu biểu đạt), cách “gọi tên cảm xúc” (dénomination émotionnelle) cũng là một trong số các phương tiện mà theo Eggs, các nhân vật hay người kể có thể sử dụng để gọi tên trạng thái cảm xúc của họ hay của các nhân vật trong truyện. Sự tức giận của bà Bovary được thể hiện bằng cách gọi tên cảm xúc thông qua động từ “tức giận” (s’emporta/s’emporter) hay cụm từ cố định “hors des gonds” (tức điên).

### 2.2.3. Phạm trù đạo đức

Điểm nhấn trong hệ thống các phương tiện nhận biết cảm xúc của Eggs là khi ông khai thác phạm trù đạo đức (registre éthique) trong việc khám phá cảm xúc của nhân vật đó hay của người đối thoại với họ. Phạm trù đạo đức được ông xem xét từ hai mặt: mặt xã hội (éthos générique) tức là những chuẩn mực xã hội mà dựa vào đó người ta được phép đánh giá, thậm chí thể hiện cảm xúc trước những việc vi phạm giá trị, quy tắc trong mỗi xã hội; mặt cá nhân (éthos spécifique) tức là tính cách, đạo đức, phẩm chất của một người mà dựa vào đó ta có hiểu được cảm xúc của họ hay của người đối thoại với họ.

Đánh giá yếu tố này trong việc xác định cảm xúc của chủ thể hay đối tượng được nhắc đến trong giao tiếp,

Eggs đã nhấn mạnh yếu tố về giá trị và chuẩn mực xã hội cũng như tính cách, đạo đức của con người được coi là nền tảng để biểu đạt, nhận diện cũng như đánh giá cảm xúc trong giao tiếp.

### 2.3. Raphaël Micheli

Trong chuyên đề nghiên cứu “Các phương thức kí hiệu và chức năng lập luận của cảm xúc” (Modes de sémiotisation et fonctions argumentatives des émotions) đăng trên tạp chí Semen (Revue de semio-linguistique des textes et discours), Micheli. R (2013) đã trình bày nghiên cứu tổng quan về các phương thức ngôn ngữ biểu đạt cảm xúc. Cảm xúc được phân loại theo ba cách: cảm xúc được nói ra (dite), được chỉ ra (montrée) và được minh chứng (étayée).

#### 2.3.1. Cảm xúc được nói ra

Trong loại này, ông nhấn mạnh vào các phát ngôn nói ra cảm xúc. Sau khi trình bày cấu trúc, đặc trưng của loại phát ngôn này, ông đề cập đến những hạn chế của chúng trong việc thực hiện chức năng biểu cảm.

Theo Micheli, một phát ngôn nói ra cảm xúc phải thể hiện được mối quan hệ chủ vị (relation prédicative) giữa một bên là từ hay cụm từ biểu cảm với một bên là chủ thể chỉ người hay vật được nhân cách hóa. Ngoài hai yếu tố trên, yếu tố thứ ba chỉ nguyên nhân hay đối tượng của cảm xúc cũng có thể xuất hiện trong loại phát ngôn này.

Đặc trưng đầu tiên của phát ngôn nói ra cảm xúc là sự tồn tại của từ vựng chỉ cảm xúc (terme d’émotion), nhằm gắn kết cái biểu đạt và cái được biểu đạt để thể hiện cảm xúc. Mối quan hệ giữa cái biểu đạt (từ vựng chỉ cảm xúc) và cái được biểu đạt (cảm xúc) thuộc vào loại kí hiệu học biểu thị (dénotation). Vậy từ vựng nào sẽ được các nhà ngôn ngữ học xếp vào trường từ vựng biểu đạt cảm xúc? Theo Micheli, đã có nhiều nghiên cứu sắp xếp và phân loại các danh từ biểu đạt cảm xúc. Từ từ loại danh từ, chúng ta tìm hiểu các từ loại phái sinh (tính từ, động từ, trạng từ) biểu đạt cảm xúc.

Đặc trưng thứ hai của phát ngôn nói ra cảm xúc là chúng mang tính quy chiếu (référentielle) và chỉ sử dụng hệ thống kí hiệu ngôn ngữ. Theo Micheli, chính tính quy chiếu của phát ngôn nói ra cảm xúc đã giúp xác lập hệ thống rất phong phú các hình thức (formes) chỉ đối tượng tiếp nhận cảm xúc, có thể là





người (entité humaine) hay vật được nhân cách hóa (entité humanisable). Hệ thống đó bao gồm danh từ riêng, cụm danh từ, đại từ thay thế, đại từ chỉ đối tượng tham gia giao tiếp ở ngôi thứ nhất và thứ hai. Chúng cho phép chủ thể tự biểu đạt cảm xúc của mình hay nói về cảm xúc của người khác mà người này có thể tham gia hoặc không tham gia vào quá trình giao tiếp.

Ngoài hai đặc trưng trên, đặc trưng liên quan đến mối quan hệ chủ vị của phát ngôn nói ra cảm xúc cũng được tác giả tập trung khai thác.

Hạn chế của các phát ngôn nói ra cảm xúc là người nghe hoàn toàn có khả năng phủ định hoặc bác bỏ chúng. Cơ hội phán đoán ý nghĩa của phát ngôn dành cho người nghe hầu như không có bởi tính biểu thị và quy chiếu của nó. Điều này tạo sự khác biệt rất lớn giữa loại phát ngôn nói ra cảm xúc với những phát ngôn chỉ ra hay minh chứng cảm xúc mà chúng tôi trình bày dưới đây.

### 2.3.2. Cảm xúc được chỉ ra (*émotion montrée*)

Khác với trường hợp cảm xúc được nói ra, cảm xúc được chỉ ra được xem xét dựa trên hệ thống các dấu hiệu (indices). Micheli đã áp dụng mô hình tam vị của Peirce trong việc xác định mối quan hệ giữa kí hiệu (signe) và đối tượng (objet) để tìm ra ý nghĩa của phát ngôn chỉ ra cảm xúc. Ông chỉ rõ mối quan hệ giữa hai yếu tố trên là mối quan hệ nhân quả (causalité) trong đó kí hiệu được hiểu là hệ quả (signe-effet) mà đối tượng cảm xúc (objet-cause) tạo ra. Do đó, dựa vào hệ thống các kí hiệu mà ta xác định được cảm xúc của chủ thể trong giao tiếp hay của đối tượng được nhắc đến.

Vậy hệ thống các kí hiệu đó là gì? Trong khuôn khổ bài nghiên cứu của mình, Micheli tập trung trình bày đặc trưng của loại kí hiệu chỉ ra cảm xúc mà chưa đưa ra một hệ thống hoàn chỉnh các kí hiệu mà theo ông vô cùng không đồng nhất: các kí hiệu có thể thuộc loại kí hiệu ngôn ngữ hay phi ngôn ngữ. Đối với loại kí hiệu ngôn ngữ, chúng có thể tồn tại ở mọi cấp độ tổ chức ngôn ngữ. Để minh chứng điều đó, ông đã phân tích một số kí hiệu xuất hiện trong phát ngôn chỉ ra cảm xúc thông qua việc phân tích đoạn văn trích ra từ cuốn *Ngày cuối cùng của một tử tù* (*Le dernier jour d'un condamné*) của tác giả Victor Hugo. Trong đoạn trích này, ở cấp độ từ vựng, có sự xuất hiện của các

thán từ cấp độ một (interjection primaire: “Ah!”) và thán từ cấp độ hai (interjections secondaires: “Hélas” (Hỡi ơi), “Mon Dieu” (Chúa ơi)); ở cấp độ cú pháp, có sự xuất hiện của các phát ngôn cảm thán (énoncés exclamationnels); ngoài ra còn phải kể đến sự xuất hiện của các biện pháp tu từ trong phát ngôn.

Để khai thác một cách hiệu quả hệ thống các kí hiệu trong việc xác định cảm xúc, Micheli đã chỉ ra rằng, cảm xúc chỉ có thể được khám phá khi chúng ta biết diễn giải các kí hiệu trong mối liên kết của chúng với nhau (congruance des indices) và trong ngữ cảnh (contexte verbal) hoặc trong tình huống (contexte situationnel) mà cảm xúc được tạo ra.

### 2.3.3. Cảm xúc được minh chứng (*émotion étayée*)

Cảm xúc có thể được suy ra (inféré) dựa vào các yếu tố cấu thành nên tình huống; những yếu tố này được quy ước bởi các chuẩn mực văn hóa-xã hội (socio-culturelle) gắn liền với loại cảm xúc đó. Theo Micheli, từ giả thuyết trên, ta có thể thiết lập được mối quan hệ tương đối ổn định giữa một bên là loại cảm xúc (types d'émotion) với một bên là việc đánh giá tình huống biểu cảm (types d'évaluation des situations). Ông đã điếm lại những công trình nghiên cứu về vấn đề này của Aristote, Eggs và đặc biệt là khung tiêu chí đánh giá tình huống của Plantin. Phỏng theo các tiêu chí đánh giá đã được thiết lập bởi các nhà tâm lý học, Micheli đề xuất các tiêu chí chính để đánh giá tình huống biểu cảm bao gồm một loạt các câu hỏi nhằm xác định *những chủ thể* trong tình huống (individus), *nguyên nhân* của sự việc (cause), *hệ quả* mà nó mang lại (conséquences), *khả năng kiểm soát* tình huống (degré de contrôle), *tính tương đồng* (rapport d'analogie), *tính phù hợp* với các giá trị và chuẩn mực xã hội. Ông đã minh họa hệ thống đánh giá tình huống trên qua việc phân tích đoạn trích khơi gợi sự cảm thương (pitié) khi người tử tù nhắc đến đứa con gái ba tuổi vô tội của ông và những gì cô bé phải gánh chịu sau cái chết của cha mình.

Để kết luận cho hình thức diễn giải (type d'interprétation) đặc trưng của loại cảm xúc được minh chứng hay lập luận này, Micheli đã chỉ rõ loại “cảm xúc được minh chứng” và “cảm xúc được chỉ ra” đều yêu cầu người đọc, người nghe phải tiến hành suy luận (inférence). Tuy nhiên, nếu với loại cảm xúc được chỉ ra, người ta diễn giải theo hướng từ dưới

lên trên (d'aval en amont), nghĩa là từ những kí hiệu biểu thị hệ quả của cảm xúc tới việc phát hiện cảm xúc thì với loại cảm xúc được minh chứng (hay lập luận), người ta diễn giải theo hướng từ trên xuống dưới (d'amont en aval), nghĩa là từ những tiêu chí đánh giá tình huống – những yếu tố tạo nên cảm xúc, đã được quy ước bởi các giá trị và chuẩn mực trong mỗi xã hội nhất định đến việc xác định loại cảm xúc tương ứng.

### 3. HỆ THỐNG CÁC PHƯƠNG TIỆN BIỂU ĐẠT CẢM XÚC TRONG ĐIỂN NGÔN VĂN HỌC

Chúng tôi nhận thấy trong các nghiên cứu nêu trên, hầu hết các tác giả đều sử dụng dữ liệu là tác phẩm văn học để minh họa cho hệ thống các phương tiện biểu đạt cảm xúc mà các ông trình bày (Eggs, Micheli) hoặc các phương tiện đó đã được các tác giả khác sử dụng để phân tích trên dữ liệu văn bản văn học (Amossy đã áp dụng khung đánh giá tình huống của Plantin để phân tích việc khơi gợi sự cảm thương trong tác phẩm của Le Clézio). Từ đó thấy được rằng, để khám phá cảm xúc ẩn sâu trong lớp ngôn từ mà mỗi nhà văn sử dụng, cụ thể để nhận diện loại cảm xúc và tìm hiểu quá trình phát triển cảm xúc của các nhân vật trong truyện, việc nắm vững các phương tiện biểu cảm nêu trên là vô cùng cần thiết.

Một loại cảm xúc có thể vừa được nói ra, chỉ ra và minh chứng (sự “cảm thương” dành cho đứa con thơ của người tử tù trong ví dụ mà Micheli đưa ra). Vì vậy, để thuận tiện cho quá trình phân tích cảm xúc của các nhân vật, chúng tôi thiết nghĩ việc sử dụng cách phân loại của Plantin chia các phương tiện biểu đạt thành hai loại chính là biểu đạt trực tiếp và biểu đạt gián tiếp sẽ thuận lợi hơn cả. Trong biểu đạt gián tiếp, chúng tôi tổng hợp các loại dấu hiệu cần được khai thác cũng như những lưu ý khi sử dụng các dấu hiệu đó để khám phá cảm xúc của nhân vật trong tác phẩm văn học.

#### 3.1. Biểu đạt trực tiếp bằng từ vựng chỉ cảm xúc (terme d'émotion)

Cả ba tác giả đều đề cập đến loại phương tiện này trong việc xác định cảm xúc của chủ thể và đối tượng được nhắc đến trong giao tiếp. Plantin và Micheli đã đưa ra cách tạo lập phát ngôn nói ra cảm xúc một cách trực tiếp thông qua việc xác định một bên là đối tượng của cảm xúc (mà các ông gọi bằng những cái

tên khác nhau là chủ thể tâm lý (lieu psychologique) (Plantin) hay con người (entité humain) và đối tượng được nhân cách hóa (entité humanisable) (Micheli)), với một bên là từ vựng chỉ cảm xúc (terme d'émotion). Việc xác định loại từ vựng biểu cảm dựa vào các nghiên cứu của các nhà ngôn ngữ như Anscombe, Balibar-Mrabti, Gross mà chúng tôi đã giới thiệu ở phần trên (phần 2.1.1a).

#### 3.2. Biểu đạt gián tiếp

##### 3.2.1. Liên quan đến tình huống

Trong ba cách phân loại nêu trên, Plantin, Eggs và Micheli đều đề cập đến yếu tố tình huống. Tuy nhiên, để hiểu rõ cơ chế biểu đạt cũng như khơi gợi cảm xúc trong tình huống, ta cần xác định vai trò của tình huống trong việc sản sinh và hiểu ý nghĩa của các phát ngôn biểu cảm. Theo Bally (1977, tr. 76), cần phân biệt một tình huống mà người mẹ thể hiện sự đau đớn trước cái chết của con mình với một tình huống mà đứa con bị buộc tội đã gây ra cái chết của mẹ mình. Trong tình huống thứ nhất, ông nhấn mạnh vào mối quan hệ nhân quả giữa tình huống và cảm xúc: tình huống “cái chết của đứa con” là nguyên nhân gây nên “sự đau đớn” ở người mẹ; trong khi đó, tình huống mà người nói chỉ tay vào giường của người mẹ đã mất và nói: “Anh chính là thủ phạm” lại có tính mục đích: tình huống biểu cảm được sử dụng nhằm đạt được mục đích nhất định của người nói. Dựa vào sự phân biệt nêu trên, chúng tôi xem xét mối quan hệ giữa tình huống và cảm xúc trên hai phương diện:

##### a) Tình huống biểu đạt cảm xúc: mối quan hệ về nhân quả

Plantin và Eggs đã bàn đến dấu hiệu về bối cảnh (situations) trong việc xác định cảm xúc khi các ông lấy ví dụ về “sự xấu hổ” của bà mẹ khi bà nói không dám nhìn mặt con mình hay “sự sợ hãi” khi ai đó tưởng tượng ra những điều tồi tệ đang đến gần với họ. Mối quan hệ giữa tình huống và cảm xúc trong hai ví dụ nêu trên là mối quan hệ nhân quả. Ta có thể gọi đây là tình huống biểu đạt cảm xúc mà chúng ta cần phân biệt chúng với loại tình huống mà người nói sử dụng để khơi gợi cảm xúc ở người nghe.

##### b) Tình huống khơi gợi cảm xúc: mối quan hệ về mục đích

Mặc dù sử dụng thuật ngữ không giống nhau để chỉ những yếu tố tạo cảm xúc trong tình huống hay hoàn



cảnh giao tiếp nhất định (Eggs – “topos”, Plantin – “pathèmes”, Micheli – “paramètres”), cả ba tác giả đều nhấn mạnh vào tính lập luận của các yếu tố trên trong việc tạo lập cảm xúc. Đặc biệt, Plantin và Micheli đều đưa ra khung tiêu chí đánh giá tình huống mà người nói, người viết cần tính đến khi khai thác hay tạo lập tình huống, hoàn cảnh nhằm kích thích, khơi gợi cảm xúc ở người đọc, người nghe.

### 3.2.2. Liên quan đến nhân vật

#### a) Thông qua các dấu hiệu quan sát được (*indices observables*)

Cả ba tác giả đều thống nhất ở hai cách tiếp cận cảm xúc, đó là cách tiếp cận từ trên xuống dưới (d’amont en aval) – tức là từ việc đánh giá tình huống tạo cảm xúc (évaluation des situations) để nhận biết cảm xúc và hướng ngược lại, từ dưới lên trên (d’aval en amont) – tức là từ những dấu hiệu biểu thị hệ quả của cảm xúc (effets de l’émotion) tới việc nhận biết cảm xúc. Loại dấu hiệu có thể quan sát được thuộc nhóm thứ hai. Để diễn giải ý nghĩa biểu đạt cảm xúc từ dấu hiệu quan sát được (cử chỉ, nét mặt, tư thế, hành động), chúng ta cần lưu ý tới yếu tố văn hóa bởi chúng có thể được thể hiện (kí hiệu) khác nhau trong các nền văn hóa khác nhau.

#### b) Thông qua dấu hiệu ngôn ngữ (*indices linguistiques*)

Một số các dấu hiệu ngôn ngữ thường thấy trong việc biểu đạt cảm xúc một cách gián tiếp là việc sử dụng thán từ, phát ngôn cảm thán hay các biện pháp tu từ trong phát ngôn. Các dấu hiệu ngôn ngữ này được xếp vào loại phương tiện biểu đạt cảm xúc gián tiếp vì tự bản thân chúng không thể chỉ ra chính xác loại cảm xúc được biểu đạt. Việc thống kê trong từng loại là vô cùng khó khăn, vì vậy, Micheli đã nói đến việc không thể đi sâu vào từng loại mà ông nhấn mạnh tới việc phối hợp của các dấu hiệu ngôn ngữ với nhau trong việc xác định cảm xúc và phát hiện ý nghĩa biểu cảm của các dấu hiệu đó trong bối cảnh, tình huống nhất định.

Liên quan đến các dấu hiệu ngôn ngữ nêu trên (thán từ, phát ngôn cảm thán, biện pháp tu từ), ta có thể kể đến một số các công trình nghiên cứu chuyên sâu của Eggs, Bally và Amossy. Eggs (2008) đã nghiên cứu các đặc trưng cơ bản của phát ngôn cảm thán trong

chuyên đề “Cảm xúc trong diễn ngôn – cảm thán, phê phán, châm biếm”. Trong nghiên cứu tiên phong của Bally (1977) về ngôn ngữ biểu cảm cũng như những nghiên cứu sau này của Amossy (2010) về cảm xúc và lập luận, các tác giả đều đề cập và nhấn mạnh vào giá trị của các biện pháp tu từ (*figuralité*) trong việc biểu đạt cảm xúc.

#### c) Thông qua đối chiếu trên phạm trù đạo đức

Đây là điểm đặc biệt trong nghiên cứu của Eggs (2008) khi ông nhấn mạnh đến vai trò của “hình ảnh” cá nhân (*éthos spécifique*) và chuẩn mực đạo đức xã hội (*éthos générique*) trong việc xác định, đánh giá hay thể hiện cảm xúc. Bằng việc đối chiếu phạm trù đạo đức – được hiểu là tính cách, đạo đức, lối sống với của chủ thể hay đối tượng trong giao tiếp với các giá trị và chuẩn mực của xã hội, ta hoàn toàn có cơ sở để đánh giá cảm xúc của nhân vật trong tình huống có phù hợp hay không với các giá trị và chuẩn mực đã quy định hoặc thể hiện cảm xúc trước những việc vi phạm giá trị và quy tắc trong xã hội đó. Yếu tố này vô cùng quan trọng trong việc tìm hiểu cảm xúc của các nhân vật trong truyện bởi mỗi tác phẩm là một lăng kính phản ánh các mặt khác nhau của xã hội, chịu sự chi phối của các giá trị và chuẩn mực trong xã hội đó.

## 4. KẾT LUẬN

Đúng như nhận định của các tác giả, đặc biệt là Micheli, người đã tiến hành nghiên cứu tổng quan các phương tiện biểu đạt cảm xúc: thật khó để đưa ra một hệ thống hoàn chỉnh các phương tiện biểu cảm, cũng như việc đi sâu vào từng loại phương tiện bởi tính đa dạng và không đồng nhất của chúng. Bằng việc phân tích, tổng hợp các loại phương tiện đã được các nhà ngôn ngữ học đưa ra, chúng tôi đã đề xuất hệ thống các phương tiện biểu đạt chính gồm biểu đạt trực tiếp thông qua từ vựng chỉ cảm xúc và biểu đạt gián tiếp thông qua các dấu hiệu liên quan đến chủ thể tâm lý và tình huống cho phép khám phá và tìm hiểu cảm xúc trong dữ liệu diễn ngôn nói chung và trong tác phẩm văn học nói riêng. Việc áp dụng các phương tiện biểu đạt nêu trên giúp ta xác định được những phương tiện chủ đạo mà mỗi nhà văn sử dụng để biểu đạt cảm xúc của các nhân vật, từ đó làm nổi bật được ý nghĩa của tác phẩm cũng như phong cách của nhà văn./.

**Tài liệu tham khảo :**

1. Adam J.-M. (1997), *Le style dans la langue. Une reconception de la stylistique*, Delachaux et Niestlé, Lausanne.
2. Amossy R. (2010), *L'argumentation dans le discours*, Armand Colin, Paris.
3. Anscombe J.-C. (1995), "Morphologie et représentation événementielle: le cas des noms de sentiment et d'attitude", *Langue française 105*, Armand Colin, Paris, p. 40-54.
4. Aristote (1967), *Rhétorique Livre II*, éd. M. Dufour, Les Belles-lettres, Paris.
5. Balibar-Mrabti A., 1995, "Une étude de la combinatoire des noms de sentiment dans une grammaire locale", *Langue française 105*, Armand Colin, Paris, p.88-97.
6. Bally Ch. (1977), *Le langage et la vie*, Droz, Genève.
7. Camus A. (1947), *La Peste*, coll. "Folio", Gallimard, Paris.
8. Đinh Trọng Lạc (1999), *Phong cách học văn bản*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
9. Eggs E. (2008), "Le pathos dans le discours - exclamation, reproche, ironie" dans Rinn M. (dir): *Émotions et discours, l'usage des passions dans la langue*, Presse universitaire de Rennes, Rennes, p. 291-320.
10. Fromilhague C., Sancier A. (1991), *Introduction à l'analyse Stylistique*, Bordas, Paris.
11. Gross M. (1995), "Une grammaire locale de l'expression des sentiments", *Langue Française 105*, Armand Colin, Paris, p.70-87.
12. Kerbrat-Orecchioni C. (2000), "Quelle place pour les émotions dans la linguistique du XXème siècle? Remarques et aperçus", dans Plantin C. et al. (éds.), *Les émotions dans les interactions*, PUL, Lyon, p. 33-74.
13. Maingueneau D. (2010), *Manuel de linguistiques pour le texte littéraire*, Armand Colin, Paris.
14. Micheli R. (2013), "Esquisse d'une typologie des différents modes de sémiotisation verbale de l'émotion", *Semen 35*, en ligne: <<https://semen.revues.org/9795>>
15. Nguyễn Hữu Đạt (2001), *Phong cách học tiếng Việt hiện đại*, Đại học Quốc gia Hà nội, Hà Nội.
16. Plantin Ch. (1998), "Les raisons des émotions", dans Bondi, M. (ed.): *Forms of argumentative discourse/ Per un'analisi linguistica dell'argomentare*, Bologne.
17. Plantin Ch. (2011), *Les bonnes raisons des émotions. Principes et méthodes pour l'étude du discours émotionné*, Peter Lang, Bern.

**MEANS OF EXPRESSING EMOTIONS IN LITERATURE WORKS OF B2 LEVEL****LE THI PHUONG LAN**

**Abstract:** Because of the variety and heterogeneity of means of emotional expression and in order to identify the signs of emotion in discourse, it is necessary to establish a typology of ways through which emotions can be manifested (verbally and non-verbally). In this research, after the introduction of the three categorizing means of emotional expression (Plantin, Eggs, Micheli) in chronological order, the main ways (direct and indirect) have been synthesized. They allow to detect and discover the emotions in discourse generally and in literary discourse particularly.

**Keywords:** *indirect expression, direct expression, discourse, literary discourse, means of emotional expression*

Ngày nhận: 21/9/2016  
 Ngày phản biện: 29/9/2016  
 Ngày duyệt đăng: 30/9/2016